

Bản án số: 39/2024/HS-ST

Ngày: 13/9/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN CƯỜNG, sinh ngày 19/5/1987 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: Q.

Nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Bị cáo có 01 người anh ruột sinh năm 1985 và 01 người em ruột sinh năm 1992. Họ, tên vợ Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988. Bị cáo có 02 con ruột, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/8/2004, bị UBND huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối

trật tự công cộng theo Quyết định số: 647/QĐ-UB, chấp hành xong ngày 07/6/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh **Võ Thanh N1**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Người làm chứng:**

1. Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Anh **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1987, nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre là chồng của chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, cả hai có 02 con chung. Từ năm 2022, chị D có mối quan hệ tình cảm với Võ Thanh N1, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/02/2024, N1 điều khiển xe mô tô chở chị D đi đến nhà trọ H1 thuộc ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre để lấy đồ. Khi đi đến nhà trọ, N1 đứng đợi bên ngoài, chị D đi vào phòng trọ và gặp C, chị D và C cự cãi với nhau. C điều khiển xe mô tô đi ra khỏi cổng nhà trọ, C nhìn thấy ngoài lề đường phía trước nhà T, gần chỗ đổ thùng rác có một thanh sắt, nên C nhặt thanh sắt có chiều dài khoảng 20cm, tiết diện vuông cạnh dài khoảng 02cm, một đầu được cắt xéo sắc nhọn rồi điều khiển xe mô tô chạy đi tìm Ngõ. Khi C nhìn thấy N1 đang ngồi tại khu vực mái che tiền chế cách nhà trọ Hải Đăng 39,7m, kế bên nhà anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, thì C dừng xe lại. C cầm thanh sắt trên tay phải chạy đến nơi N1 đang ngồi, N1 đứng dậy, C dùng tay trái đánh vào người N1, N1 bỏ chạy lùi lại phía sau thì té ngã va vào tường rào của nhà anh Đ. C đuổi theo, C cầm thanh sắt trên tay phải dùng đầu nhọn đâm trúng 01 nhát vào cẳng tay trái của N1, C đâm tiếp 01 nhát trúng vào mạn sườn trái của N1. Sau đó, C đâm 01 nhát trúng vào cánh tay phải, 01 nhát trúng vào lưng phải, 01 nhát trúng vào vai phải của N1. Do bị C tấn công liên tục, N1 ngã người về phía sau, vai phải của N1 va vào cột được xây bằng gạch gây ra vết thay đổi sắc tố da

vùng vai phải đầu trên cánh tay. Lúc này, anh Đ đứng trong nhà thấy vậy nên truy hô lên, C cầm thanh sắt lên xe bỏ chạy ra hướng Quốc lộ E. Anh Đ đưa N1 đi cấp cứu tại Trạm y tế xã P, huyện B, sau đó N1 được chuyển đến điều trị tại Bệnh viện N2, tỉnh Bến Tre vào lúc 21 giờ 15 phút ngày 02/02/2024. Đến ngày 04/02/2024, Võ Thanh N1 có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Nguyễn Văn C.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 95/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 05/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: Các kết quả chính: Sẹo vùng lưng phải kích thước trung bình, sẹo mạn sườn trái đường rạch giữa kích thước nhỏ, sẹo vùng sau vai phải kích thước trung bình, sẹo mặt sau cằm tay trái kích thước trung bình, sẹo mặt trước trong cằm tay trái kích thước lớn, sẹo mặt trước 1/3 dưới cánh tay phải kích thước nhỏ, sạm da vùng vai phải. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thanh N1 tại thời điểm giám định là 11% (mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Sạm da vùng vai phải do vật tày gây ra, các vết thương còn lại do vật sắc nhọn gây ra. Nguyễn Văn C không đồng ý với kết luận giám định này nên ngày 15/5/2024, C có đơn yêu cầu giám định lại đối với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thanh N1.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 161/KLTTCT-PVPYQG ngày 18/6/2024 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các kết quả chính: Sẹo kích thước nhỏ vùng vai phải, sẹo kích thước nhỏ vùng lưng phải, sẹo kích thước nhỏ vùng mạn sườn trái đường rạch sau, sẹo kích thước nhỏ vùng 1/3 trước dưới cánh tay phải, sẹo kích thước lớn vùng 1/3 trên trước trong cằm tay trái, sẹo kích thước trung bình vùng 1/3 trên ngoài cằm tay trái, vết thay đổi sắc tố da vùng vai phải đầu trên cánh tay. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thanh N1 tại thời điểm giám định là 10% (mười phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Kết luận khác: Vết thay đổi sắc tố da vùng vai phải của Võ Thanh N1 là do vật tày tác động trực tiếp gây ra, các thương tích vùng lưng, vai phải, mạn sườn trái, cánh tay phải và cằm tay trái của Võ Thanh N1 là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thanh N1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường tổng số tiền là 19.231.835 đồng (chi phí điều trị thương tích là 9.231.835 đồng, tổn thất lao động là 10.000.000 đồng). Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKSBD ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn ghen tuông, nên Nguyễn Văn C đã dùng một thanh sắt gây thương tích cho anh N1 bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%, anh N1 có yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “người phạm tội thành khẩn khai báo”, “bị hại cũng có một phần lỗi” và tại phiên tòa “bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ **06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2024.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Thanh N1 có ý kiến: Bị hại xin thay đổi một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.231.835 đồng (chi phí điều trị thương tích là 9.231.835 đồng, tổn thất lao động là 5.000.000 đồng) và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C nói lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt tại phiên Tòa, bị cáo không có ý kiến gì, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì đã có lời khai ở Cơ quan Điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng là phù hợp quy định tại 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn ghen tuông, nên Nguyễn Văn C có hành vi gây thương tích cho anh Võ Thanh N1 với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%. Ngày 04/02/2024, anh N1 có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với C. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKSBD ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo dùng thanh sắt gây thương tích cho bị hại là hành vi đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, làm hạn chế khả năng lao động, sức khỏe bị tổn hại, ảnh hưởng đến sinh hoạt. Sức khỏe của con người là khách thể được pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng bị cáo không lựa chọn cách xử sự cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh để hạn chế thiệt hại của các bên mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp dẫn đến bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” cho bị hại.

[4] Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, trái đạo đức, trái quy định pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra.

[5] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo đã thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại với tổng tỷ lệ thương tích là 10%.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã bị UBND huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số: 647/QĐ-UB ngày 13/8/2004, chấp hành xong ngày 07/6/2006. Vì vậy, bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo cũng thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đề nghị áp dụng tình tiết “bị hại có một phần lỗi”, “bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị hại có mối quan hệ tình cảm với vợ bị cáo là nguyên nhân, động cơ để bị cáo ghen tuông, không kiểm soát được hành vi đã gây thương tích cho bị hại, bị hại không có gây thương tích trước cho bị cáo và cũng không có lỗi trong hành vi “gây thương tích của bị cáo”, bị cáo có thể chọn cách xử sự khác phù hợp hơn đối với bị hại, bị cáo vẫn biết gây thương tích cho bị hại là hành vi trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra. Mặt khác, việc mâu thuẫn trên là nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội nên đã xem xét cho bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ, vì vậy không thể áp dụng thêm tình tiết “bị hại có một phần lỗi” nữa cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng tình tiết “bị hại có lỗi một phần” mà chỉ chấp nhận áp dụng tình tiết “bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, hành vi của

bị cáo không những gây thương tích cho bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội tại địa phương và cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo, để bị cáo thấy được sai phạm của bản thân từ đó mà cải sửa cải tạo trở thành công dân lương thiện, mặt khác góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm chung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Võ Thanh N1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường tổng số tiền là 14.231.835 đồng (chi phí điều trị thương tích là 9.231.835 đồng, tổn thất lao động là 5.000.000 đồng). Đây là yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường chi phí trên cho bị hại.

[11] Đối với Nguyễn Thị Thùy D có mối quan hệ tình cảm với Võ Thanh N1 nhưng không chung sống như vợ chồng nên không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[12] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh và hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn C là chưa phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[13] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 14.231.835 đồng x 5% = 711.600 đồng (Bảy trăm mười một nghìn sáu trăm đồng).

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho anh Võ Thanh N1 số tiền 14.231.835 đồng (Mười bốn triệu hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 711.600 đồng (Bảy trăm mười một nghìn sáu trăm đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT Công an h. Bình Đại (1b);
- Nhà tạm giữ huyện Bình Đại (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND, Công an xã L (2b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Lưu HSVA, VP(2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ